Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục
ISSN 1859-2333 | e-ISSN 2815-5599

*DOI:10.22144/ctujos.2024.409*

# HÌNH TƯỢNG LỮ KHÁCH TRONG THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN ĐỀ

Nguyễn Hữu Rạng*
*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*
**Tác giả liên hệ (Corresponding author): rangnh.vhvn033@pg.hcmue.edu.vn*

***Thông tin chung (Article Information)***

*Nhận bài (Received): 02/02/2024*
*Sửa bài (Revised): 16/03/2024*
*Duyệt đăng (Accepted): 05/05/2024*

***Title:*** *The image of the traveller in Nguyen De's Chinese poetry*

***Author(s):*** *Nguyen Huu Rang**

***Affiliation(s):*** *Ho Chi Minh City University of Education, Viet Nam*

## TÓM TẮT

*Lữ khách là hình tượng nghệ thuật trung tâm trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề. Nổi bật ở hình tượng này là nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại phiêu bạt. Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích làm rõ các đặc điểm của hình tượng lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề, cụ thể là thái độ, cách ứng xử của lữ khách khi đối diện với nỗi niềm cô quạnh, bế tắc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hình tượng lữ khách khi đối diện với nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại thể hiện ba đặc điểm chính: (1) lữ khách một mình nếm trải nỗi sầu cô quạnh và xu hướng "kéo dài" bi kịch nội tâm, (2) lữ khách gắng gượng hành động với chút hy vọng mong manh thoát khỏi nỗi cô quạnh, (3) lữ khách hướng cái nhìn về tương lai nhằm tìm kiếm giải pháp thoát khỏi thực tại cô quạnh, bế tắc. Nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại luôn thường trực và chi phối mạnh tâm trí lữ khách khiến con người trở nên đáng thương hơn bao giờ hết.*

***Từ khoá:*** *Lữ khách, Nguyễn Đề, nỗi niềm cô quạnh và bế tắc, thơ chữ Hán*

## ABSTRACT

*The traveler is the central artistic image in Nguyen De's Chinese poetry. What stands out in this image is the feeling of loneliness and deadlock before the reality of wandering. The research was conducted with the aim of clarifying the characteristics of the image of the traveler in Nguyen De's Chinese poetry, specifically the attitude and behavior of the traveler when facing loneliness and deadlock. Research results show that the image of a traveler when faced with feelings of loneliness and deadlock before reality shows three main characteristics: (1) the traveler alone experiences the sadness of loneliness and the tendency to "prolong" inner tragedy, (2) the traveler tries his best to act with a little hope of escaping his loneliness, (3) the traveler looks to the future to find a solution to escape the lonely, deadlocked reality. The feeling of loneliness and deadlock in the face of reality is always constant and strongly dominates the traveler's mind making people more pitiful than ever.*

***Keywords:*** *Chinese poetry, Nguyen De, the feeling of loneliness and deadlock, traveler*

## 1. GIỚI THIỆU

Mỗi người sinh ra và góp mặt trên cuộc đời đều mang những ý nghĩa nhất định. Không ai hiện hữu giữa nhân gian chỉ để sống những năm tháng hoài phí, vô định sau cùng lại vùi thân nơi huyệt mộ lạnh lẽo. Với con người trung đại, nhất là bậc nam nhi khi đã góp mặt trong vòng trời đất thì việc khẳng định giá trị sống bản thân, ghi khắc danh mình với núi sông là điều quan trọng trước hết. Chẳng phải Nguyễn Công Trứ ngày trước từng khẳng định dứt khoát ý nghĩa và chức phận kẻ làm trai trong thiên hạ: "*Trong vũ trụ đã đành phận sự / Phải có danh mà đối với núi sông / Đi không chẳng lẽ về không?*" (*Chí nam nhi*). Thế nhưng, một khi con người chấp nhận bước chân vào hoạn lộ gánh vác bổn phận với đất nước cũng đồng nghĩa họ buộc phải xa lìa quê hương, tách rời tạm thời thậm chí mãi mãi các mối quan hệ với gia đình, người thân, tri kỉ để đón nhận thân phận khác - lữ khách. Trên hành trình báo quốc lập thân, con người luôn phải đối diện và trải qua tháng ngày nổi trôi, phiêu bạt chịu bao khó nhọc, sầu tủi. Những hoàn cảnh thực tại trước mắt lữ khách cứ liên tục đổi thay hết di chuyển đến các địa điểm xa lạ trong nước để thực thi công vụ lại đến những tháng ngày lênh đênh, chịu đủ mọi gian truân, giá rét phương Bắc trên đường hoàng hoa khiến con người càng lúc càng bị nhấn chìm sâu hơn vào ưu tư, sầu muộn. Tất cả những điều này không ngừng tác động, chi phối tâm trí lữ khách trên bước vạn dặm như những cơn địa chấn cảm xúc trong cõi lòng kẻ phiêu bạt. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến sự hình thành nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại trong tâm hồn lữ khách.

Nguyễn Đề là nhà thơ tiêu biểu trên thi đàn văn học thời Tây Sơn nói riêng và văn học trung đại dân tộc nửa sau thế kỉ XVIII nói chung. Không chỉ là bậc đại thần có công lớn với sự nghiệp xây dựng, phát triển của triều đại Tây Sơn, củng cố và nâng tầm vị thế ngoại giao Đại Việt trước thiên triều Bắc quốc mà còn có vị trí quan trọng trên bản đồ văn học dân tộc qua các đóng góp nghệ thuật đặc sắc ở bộ phận thơ chữ Hán. Trong đó, lữ khách được xem là một hình tượng nghệ thuật trung tâm, xuất hiện phổ biến và mang trọn vẹn tâm tình, nỗi niềm thi nhân trước chuỗi ngày phiêu bạt rong ruổi khắp nơi. Đặc điểm nổi bật ở hình tượng nghệ thuật này là nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại. Mặt khác, bộ phận thơ chữ Hán Nguyễn Đề từ trước đến nay vẫn chưa được nhiều nhà nghiên cứu đề cập hoặc chỉ đề cập thi thoảng trong một số bài viết, công trình nghiên cứu mang tính tổng quát, chưa phải là đối tượng nghiên cứu riêng biệt. Tuy nhiên những năm gần đây nhất là ở thời điểm hiện tại, các vấn đề liên quan đến việc khảo cứu văn bản cũng như nghiên cứu chuyên sâu về thơ chữ Hán Nguyễn Đề lại trở nên phổ biến, thu hút giới học giả. Tiêu biểu như các công trình nghiên cứu trên bình diện tổng quát về thơ chữ Hán Nguyễn Đề, cụ thể: công trình luận văn *Đặc điểm nội dung và nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Đề (2013)* của Mai Thành Tâm, *Những đóng góp quan trọng của văn học thời Tây Sơn (2006)* của Nguyễn Minh Thư hay đi vào tiếp cận, nhìn nhận sâu hơn một lát cắt trong thơ ông, cụ thể: công trình luận văn *Đất nước và con người Trung Quốc qua thơ chữ Hán Nguyễn Đề (2021)* của Mai Thị Cẩm Giang, bài viết *Hoan Nam sứ giả Nguyễn Đề xướng họa cùng sứ thần Triều Tiên (2017)* của Phạm Quang Ái, *Tính chất "du kí" trong thơ đi sứ của Nguyễn Đề (2023)* của Phạm Thị Thúy Hằng hoặc nhìn nhận những đóng góp thơ ca Nguyễn Đề trong mối liên hệ với người em ruột là Nguyễn Du qua bài viết *Nguyễn Du và ông anh Nguyễn Đề (2019)* của Mai Quốc Liên. Mặc dù tình hình nghiên cứu thơ chữ Hán Nguyễn Đề phát triển khả quan hơn so với trước nhưng nhìn chung vẫn tương đối ít ỏi và còn nhiều vấn đề trong thơ ông chưa được khai thác, nhìn nhận đóng góp xứng đáng. Khu biệt vào nội dung bài viết cho thấy đến hiện tại vẫn chưa có bất kỳ công trình nghiên cứu chuyên biệt về hình tượng lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề, đặc biệt là qua nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại. Thảng hoặc vấn đề này vẫn được nhắc đến trong một vài công trình nghiên cứu tổng quát nhưng chỉ xuất hiện dưới dạng các nhận định ngắn, chưa được luận giải hay trong các công trình nghiên cứu chuyên sâu về thơ chữ Hán của những tác giả khác mà hình tượng lữ khách trong thơ Nguyễn Đề chỉ được nhắc đến như một sự đối sánh nhất định. Vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong bài viết này đến nay còn nhiều bỏ ngỏ, cần thiết được nêu ra giúp người đọc có cái nhìn toàn diện hơn về tâm tình thi nhân cũng như các đóng góp nghệ thuật tiêu biểu của ông với mạch nguồn văn học dân tộc.

Với các nội dung nêu trên, bài viết này nhằm mục đích làm rõ các đặc điểm của hình tượng lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề, cụ thể là thái độ, cách ứng xử của lữ khách khi đối diện với nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại phiêu bạt. Ngoài ra, với mong muốn giúp người đọc có cái nhìn toàn diện, đúng đắn về con người tác giả cũng như những đóng góp nổi bật của Nguyễn Đề đối với tiến trình phát triển dòng họ và triều đại phong kiến Đại Việt nửa sau thế kỉ XVIII, tiểu sử và hành trạng của tác giả cũng được khai thác và bàn luận trong bài viết. Thiết nghĩ vấn đề này thật sự cần thiết giúp người đọc không những hiểu rõ hơn về con người tác giả

mà còn vận dụng các dữ kiện này vào việc kiến giải một số đặc điểm ở hình tượng lữ khách cũng như tư tưởng nhân sinh của thi nhân trong thơ chữ Hán.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

*2.1.1. Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của bài viết là hình tượng lữ khách qua nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại được thể hiện trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề. Cụ thể, bài viết tập trung khai thác, làm rõ những tâm trạng, thái độ cũng như cách ứng xử của lữ khách khi đối diện với thực tại cô quạnh, bế tắc.

*2.1.2. Phạm vi nghiên cứu*

Phạm vi nghiên cứu trọng tâm của bài viết là các sáng tác thơ chữ Hán của Nguyễn Đề, cụ thể ở ba tập thơ *Hoa trình tiêu khiển tiền tập (1789 - 1790), Quế Hiên thi cảo (1790 - 1795) và Hoa trình tiêu khiển hậu tập (1795 - 1796)*. Các sáng tác này được khảo sát, trích dẫn từ hai công trình *Tuyển tập thơ chữ Hán Nguyễn Đề (1995)* được chủ biên bởi tác giả Nguyễn Thị Phượng và *Thơ Nguyễn Đề tuyển (2019)* được chủ biên bởi tác giả Lê Quang Trường. Ngoài ra trong bài viết, những sáng tác thơ chữ Hán của một vài tác giả trung đại trước và cùng thời với Nguyễn Đề cũng được nghiên cứu nhằm làm rõ hơn một số đặc điểm của hình tượng lữ khách trong thơ ông.

### 2.2. Phương pháp, thao tác nghiên cứu

– **Phương pháp nghiên cứu thi pháp:** Lữ khách trong thơ Nguyễn Đề là hình tượng nghệ thuật độc đáo thể hiện quan niệm tác giả. Nói cách khác, tiếp cận hình tượng lữ khách là việc tìm kiếm, khai thác các quan niệm nghệ thuật về con người - một phạm trù quan trọng của thi pháp, cụ thể là lữ khách trong thơ. Vì vậy, phương pháp nghiên cứu này được sử dụng nhằm làm rõ những quan niệm nghệ thuật của tác giả được thể hiện qua hình tượng lữ khách từ đó khám phá, lí giải chiều sâu nội tâm cũng như nỗi niềm thi nhân trước thực tại phiêu bạt.

– **Phương pháp nghiên cứu tiểu sử:** Hình tượng lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề được xây dựng bởi một số chất liệu xuất phát từ đời sống cá nhân tác giả. Vì vậy, phương pháp nghiên cứu này được sử dụng nhằm tìm kiếm, khai thác các dữ kiện liên quan đến tiểu sử cá nhân của tác giả và vận dụng nó vào quá trình lí giải, làm rõ một số đặc điểm của hình tượng lữ khách trong thơ, nhất là trong vấn đề ứng xử với nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại.

– **Thao tác nghiên cứu so sánh:** Thao tác này được sử dụng nhằm làm rõ một vài nét tương đồng cũng như khác biệt ở hình tượng lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề với thơ chữ Hán của một vài tác giả trung đại khác, nhất là với vấn đề đối diện và ứng xử trước nỗi niềm cô quạnh, bế tắc ở thực tại. Qua đó, người đọc phần nào hiểu rõ hơn về đặc điểm lữ khách cũng như nhận ra sự sáng tạo nghệ thuật độc đáo và tâm tình tác giả gửi gắm trong thơ chữ Hán. Với nội dung bài viết này, thao tác nghiên cứu trên được sử dụng trong chừng mực nhất định. Ngoài ra, một số thao tác nghiên cứu như *phân tích - tổng hợp, chứng minh - luận giải* cũng được sử dụng nhằm làm rõ hơn các đặc điểm của hình tượng lữ khách qua nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trước thực tại trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Vấn đề tiểu sử và những đóng góp của Nguyễn Đề

Nguyễn Đề vốn xuất thân là thế hệ thứ bảy của đại gia tộc họ Nguyễn đất Tiên Điền - một gia tộc trâm anh thế phiệt chốn non nước Hồng Lam thuở trước. Xét trên bình diện tổng quan tiến trình phát triển của gia tộc này, Nguyễn Đề được xem là một trong những thế hệ tiếp nối vẻ vang các truyền thống tốt đẹp của dòng họ, đặc biệt là truyền thống khoa bảng và hoạn lộ đồng thời mở ra bước ngoặt lớn từ đó góp phần xác lập và củng cố danh tiếng dòng họ trong xã hội phong kiến đương thời. Nguyễn Đề 阮提 chính danh là Nễ 儞 về sau đổi thành Đề 提, tên tự là Nhất Quế 一桂, tên hiệu là Quế Hiên 桂軒 và biệt hiệu là Văn Thôn cư sĩ 文村居士. Có thể thấy, biệt hiệu này phần nào nói lên được bản tính con người ông vốn là kẻ yêu thích và luôn có xu hướng tìm về chốn thôn dã và những điều bình dị, giản đơn của đời sống như một cách để giữ thân dưỡng tâm lánh xa vinh hoa hư ảo. Tìm hiểu về con người tác giả có thể thấy đây là một trong những tôn chỉ hành động trước hết khi ông bước chân vào hoạn lộ sau này đồng thời cũng là tôn chỉ sáng tác được thể hiện rõ trong thơ chữ Hán.

Cuộc đời và sự nghiệp hoạn lộ Nguyễn Đề được chia thành hai thời kỳ với mốc thời gian phân cách là năm 1790 khi nhà Tây Sơn dưới sự trị vì của hoàng đế Quang Trung mở ra trong lịch sử Đại Việt.

*Thời kỳ từ năm 1761 đến trước năm 1790:* Đây là thời kỳ ấu thơ cùng với những năm tháng lập danh đầu đời bằng con đường khoa cử sau đó làm quan dưới triều vua Lê chúa Trịnh. Bản thân Nguyễn Đề

đã sớm bén duyên với cửa Khổng và sớm chứng tỏ tư cách kẻ sĩ từ nhỏ khi ông luôn siêng năng đèn sách, thông minh và ham thích học hỏi. Sự nghiệp khoa cử của Nguyễn Đề bắt đầu vào năm Kỷ Hợi (1779) khi ông đỗ đầu bảng tại kỳ thi khóa ở Quốc Tử Giám. Những các năm sau đó, ông tiếp tục giữ ngôi đầu bảng trong các kỳ thi tại: huyện Thọ Xương (1784), huyện Đông Ngạn, đạo Phụng Tiên (9-1784) và đỗ tứ trường ở kỳ thi hương tại trường thi Phụng Tiên vào tháng 10 cùng năm. Nguyễn Đề sau lại thi tiếp hợp cách cùng với người em là Nguyễn Nhưng và cháu là Nguyễn Thiện. Cả ba người đều đỗ cao trong kỳ thi này. Có thể thấy, Nguyễn Đề được xem là thế hệ tiếp nối vẻ vang truyền thống khoa bảng của dòng tộc cũng như đất học xứ Nghệ ngày trước góp phần củng cố và làm dày thêm bảng vàng dòng tộc. Sự nghiệp quan trường dưới triều vua Lê chúa Trịnh của ông bắt đầu vào năm Bính Ngọ (1786) khi tác giả được chiếu bổ nhiệm vào Thị nội Văn chức chuyên phụ trách giảng dạy cho con chúa Trịnh tại nhà học Quốc Tử Giám như cha và anh cả mình ngày trước. Nhìn chung, con đường hoạn lộ Nguyễn Đề dưới thời vua Lê chúa Trịnh diễn ra khá thuận lợi phần vì danh tiếng hiển hách, công trạng dòng họ nhưng chủ yếu vẫn nhờ vào tài trí bản thân ông. Dù chưa thành tựu những bước ngoặt quan trọng như sau này do thời gian tồn tại ngắn ngủi còn lại của triều vua Lê chúa Trịnh nhưng vẫn đủ giúp người đương thời và hậu thế nhận ra tài năng và tư chất kẻ sĩ trong ông. Khoảng thời gian ngắn ngủi theo nghiệp quan trường dưới triều vua Lê chúa Trịnh cũng để lại trong tâm trí ông kí ức đáng nhớ, thi thoảng vẫn xuất hiện trong sáng tác thơ chữ Hán của tác giả.

*Thời kỳ từ năm 1790 đến năm 1805:* Đây là thời kỳ hiển hách và thành tựu nhiều bước ngoặt lớn trong sự nghiệp quan trường của Nguyễn Đề dưới triều Tây Sơn. Sau khoảng thời gian trở về tạm lánh tại quê ngoại ở Kinh Bắc khi nhà Lê sụp đổ, Nguyễn Đề ra làm quan cho nhà Tây Sơn cũng từ đây hoạn lộ của ông bắt đầu thăng tiến nhanh chóng. Theo ghi chép của *Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền* ban đầu ra làm quan cho Tây Sơn ông có thái độ "miễn cưỡng" (Liên (Chủ biên), 2016, tr.87) vẫn luyến tiếc triều đại cũ tuy nhiên sau đó đã nhanh chóng bắt nhịp với triều đại mới. Bản thân ông luôn dốc lòng bền chí, mang tấm lòng nhiệt thành kẻ sĩ đóng góp vào sự phát triển triều đại nhà Tây Sơn. Sự kiện ông chấp nhận ra làm quan cho nhà Tây Sơn và một lòng tận lực với triều đại này cho thấy tư tưởng chính trị cởi mở hơn so với người em ruột là Nguyễn Du; không bảo thủ, cố chấp đến mê muội như cháu mình là Nguyễn Hành chỉ khư khư ôm hoài nỗi cô trung với nhà Lê đã mất. Khi làm quan dưới triều Tây Sơn, ông liên tục được vua Quang Trung tin dụng vì vậy hoạn lộ gia thăng nhanh chóng từ chức Hàn lâm viện Thị thư (1790) đến Đông các Đại học sĩ lại gia thăng thêm chức Thái sử Thự tả nghị lang Nghi thành hầu sau đó được bổ nhiệm vào trông coi việc văn thư ở Cơ mật viện (1793) tiếp tục được thăng Binh bộ tả phụng nghị chính, cấp bậc Tam phẩm giữ chức Hiệp tán nhung vụ tại thành Quy Nhơn (1794). Tuy nhiên, bước ngoặt quan trọng nhất trên đường hoạn lộ của Nguyễn Đề đồng thời đánh dấu bước tiến đầu tiên trong lịch sử làm quan của dòng họ là việc ông hai lần được vua nhà Tây Sơn tin cẩn giao trọng trách đi sứ sang thiên triều Bắc quốc. Lần đi sứ thứ nhất (1789 - 1790), ông được bổ làm Phó sứ đội tuế cống sang Bắc quốc cầu phong cũng như tiến cống phẩm vật theo niên lệ. Lần đi sứ thứ hai (1795 - 1796), ông được cử làm Hành khánh xứ sứ bộ sang Bắc quốc để chúc mừng vua Thanh là Càn Long làm lễ nhường ngôi cho con trai là Gia Khánh. Cả hai lần đi sứ sang Bắc quốc nhất là lần đi sứ sau này của ông đều thành công vẻ vang khi ghi được dấu ấn ngoại giao tốt đẹp không chỉ với thiên tử nhà Thanh mà còn với sứ thần các nước khác từ đó góp phần nâng cao vị thế Đại Việt trong công cuộc bang giao với nước láng giềng. Xét theo chiều dài phát triển của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, Nguyễn Đề là thế hệ đầu tiên mở đường cho truyền thống đi sứ vẻ vang. Sau này cháu ông là Nguyễn Vinh trong lời tựa (1799) của *Hoa trình thi tập* đã hết lời ca ngợi Nguyễn Đề: "Đời đời nhà ông đều làm tướng văn, tướng võ còn ông lại đảm nhận việc đi sứ, há không phải là kiêm hết vinh hạnh ở cõi người hay sao?" (Nguyen, 1995, tr.26). Khi nhà Tây Sơn sụp đổ, triều Nguyễn với sự trị vì của Gia Long, ông vẫn tiếp tục xin ra làm quan nhưng lại bị nhiều lời gièm pha về thân phận từng làm quan cho Tây Sơn nên bản thân không được vua trọng dụng, sau cùng cho theo làm việc dưới quyền viên tổng soái tại Bắc thành. Đến tháng 5 năm Ất Dậu (1805) sau thời gian về quê chịu tang vợ, ông trở về kinh song lại bị quan tri phủ là Nguyễn Văn Chiêu bức hiếp khiến ông sinh phẫn chí mà chết. Nguyễn Đề mất vào ngày 11 tháng 7 năm Ất Dậu (03-2-1805), hưởng dương 45 tuổi. Mộ phần ông được đặt tại thôn Văn Trường thuộc xã Tiên Điền trong vườn nhà cũ bấy giờ.

Có thể thấy, suốt cuộc đời Nguyễn Đề là những năm tháng phiêu bạt, nổi trôi khắp nơi, bản thân gắn với việc quan trường qua các triều đại phong kiến. Thời gian ông được về tại quê nhà Tiên Điền rất ngắn ngủi để rồi thân người phải tiếp tục lênh đênh hết nơi này đến nơi khác vì việc nước. Số kiếp phiêu bồng của thân phận lữ khách cứ bám lấy ông như

một định mệnh. Điều này cũng góp phần lí giải phần nào sự xuất hiện trung tâm hình tượng lữ khách đồng thời được xem như một trong những chất liệu cảm xúc cơ bản góp phần hình thành nên nỗi niềm cô quạnh, bế tắc trong thơ chữ Hán của nhà thơ.

### 3.2. Hình tượng lữ khách cô đơn, bế tắc trước thực tại

#### *3.2.1. Lữ khách mang nỗi cô quạnh và việc "kéo dài" bi kịch phiêu bạt:*

Xét đối tượng nghiên cứu trong mối quan hệ với bản ngã cho thấy hình tượng lữ khách qua thơ chữ Hán Nguyễn Đề chủ yếu phải một mình nếm trải nỗi sầu cô quạnh song hành với đó là xu hướng "kéo dài" bi kịch phiêu bạt, bế tắc của con người. Nỗi sầu cô quạnh, những lo lắng trong đời thực tại khi sứ mệnh được giao chưa thể sớm ngày hoàn thành thậm chí cả những lần con người rơi vào tủi phận khi bất giác nghĩ về chính mình, nhìn lại quãng thời gian vừa qua và dài đằng đẵng phía trước tưởng chừng chỉ hiện hữu trong nhất thời, có thể dễ dàng tiêu biến bởi bao buồn rầu, lo nghĩ của đời lữ thứ. Nhưng đối với lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề, cái buồn tủi, cô độc từng không ít lần khiến con người phải lo rầu mỗi khi trải qua lại tồn tại dai dẳng ở thực tại có lúc còn chi phối cả những dòng hồi ức về quá khứ. Càng cố vẫy vùng, cố tìm cách thoát khỏi nó dù chỉ trong khoảnh khắc nhất thời hoặc cố tìm kiếm, thiết lập các mối quan hệ, giao tiếp với các đối tượng và thế giới xung quanh, lữ khách chỉ càng bị nhấn chìm sâu hơn vào sầu tủi, bế tắc. Trên hành trình phiêu bạt dù con người ở bất kì cương vị nào đi nữa: sứ thần vâng mệnh hoàng đế đi sứ, công thần trên đường công vụ... hay chỉ là khách lỡ bước giữa chiều muộn cũng đều phải nếm trải nỗi sầu cô quạnh:

*"Lương Hương trú tiết kinh tam túc*

*Mạch mạch hàm sầu đối tịch huy"*

(Trải đã ba ngày trú ở Lương Hương

Ôm sầu dằng dặc nhìn ánh chiều hôm)

(***Lương Hương khách quán ngẫu đề***) (Nguyen, 1995, tr.248-249)

Ngay từ hai câu đề của bài, sự vượt ngưỡng chịu đựng trong cảm xúc lữ khách được nhà thơ thể hiện rất rõ. Nguyễn Đề mở đầu bài thơ bằng cách nêu lên trực tiếp tình cảnh khó khăn mà lữ khách đã và đang phải trải qua trong suốt chuỗi ngày vừa qua: "*Lương Hương trú tiết kinh tam túc*". Xu hướng "kéo dài" cơn sầu muộn, nhấn mạnh vào trạng thái cô quạnh của con người được thể hiện rất rõ ngay câu thơ đầu tiên bằng cách khắc họa sự triền miên, dai dẳng của dòng thời gian khi dịch chuyển: "*trú tiết kinh tam túc*". Theo lời chú nhan đề của tác giả, đoàn sứ bộ phải trú lại ở Lương Hương trong nhiều ngày liền chỉ vì chờ viên quan hộ tống đi cùng lấy thẻ lãnh binh trước khi trở về nước. Ba ngày trôi qua tưởng chỉ nhanh thoáng chốc nhưng đối với bản thân lữ khách đó thực sự là khoảng thời gian dài thậm chí vượt quá ngưỡng chịu đựng của cảm xúc con người. Mỗi thời khắc trôi qua, từng giọt sầu giọt tủi cứ nhỏ dần và càng lúc càng kết đọng nhiều hơn trong tâm can lữ khách đến mức con người giờ đây cũng không thể kìm nén: "*Mạch mạch hàm sầu đối tịch huy*". Nỗi sầu cô quạnh càng lúc càng nặng trĩu tâm người: "*mạch mạch*". Lữ khách vốn chẳng phải là kẻ chai sạn cảm xúc hoặc phó mặc bản thân trước nỗi sầu cô quạnh trong tâm mà không nhận ra, không ý thức được tình cảnh bi đát. Con người ở đây vẫn tự ý thức thậm chí ý thức rất rõ những gì bản thân đã và đang trải qua từ đó cố tìm cách thoát khỏi đó qua hành động "*đối tịch huy*". Đưa mắt nhìn ra xung quanh, cố gắng tìm kiếm và thiết lập mối quan hệ với vạn vật nhưng điều mà con người nhận lại chỉ là khoảnh khắc ảm đạm, nhạt nhòa, u tịch từ ánh chiều hôm dần tàn. Nỗi niềm cô quạnh của lữ khách không những không vơi đi ngược lại càng có xu hướng gia tăng bởi cảm giác hụt hẫng, vô vọng khi tìm kiếm các kết nối bên ngoài. Đó là sự xuất hiện, cộng hưởng liên tiếp các yếu tố khách quan khiến mối sầu cô độc của lữ khách càng lúc càng trở nên dữ dội, cụ thể là dòng thời gian kéo dài đằng đẵng không có bất kì tín hiệu ngưng lại (*kinh tam túc*); không gian lữ thứ xa lạ (*Lương Hương trú*); sắc độ nhạt nhòa, u tịch của tự nhiên (*tịch huy*). Tất cả những yếu tố trên kết nối với nhau dưới sự xúc tác mãnh liệt của tâm trạng u hoài thường trực ở lữ khách khiến cơn sầu kết đọng nặng trĩu tâm người. Những khó khăn, rầu lo vì việc nước chưa thành cùng nỗi cô quạnh trên đất khách trong mỗi khoảnh khắc của lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề đã hình thành hệ quả tâm lí con người dần xuất hiện và luôn thường trực những ám ảnh đến mức kinh sợ trước thực tại phiêu bạt:

*"Lộ thượng phong trần kinh khách nhãn*

*Quán trung chẩm đạm khiếp hàn uy"*

(Gió bụi trên đường, kinh mắt khách

Gối chăn trong quán, khiếp uy trời lạnh)

(**Lương Hương khách quán ngẫu đề**) (Nguyen, 1995, tr.248-249)

Những khó nhọc, buồn lo tưởng đã trở thành quen thuộc thường ngày với lữ khách giờ lại là điều

ám ảnh tâm lí con người. Nhiều lần trong thơ, người đọc bắt gặp tình cảnh đáng thương này của lữ khách:

"Hàn xâm lữ chẩm kinh niên mộ"

(Lạnh thấu gối khách, kinh hoàng cuối năm)

(**Phụng bổ Cơ mật viện ngẫu ngâm**) (Nguyen, 1995, tr.160-161)

"Giang sinh đảo tự lãng kiêm thiên

Chi ngô nhất lãm sầu như hải"

(Sông nổi sóng lớn như hòn đảo cao tận trời

Chống chọi giúp mình chỉ có sợi dây neo thuyền, lòng buồn rầu như biển)

(**Ngô Giang trở phong**) (Le, 2019, tr.296-297)

Cũng cần hiểu rằng, thực chất những khó nhọc, vất vả trải qua trên đường phiêu bạt trong thân phận lữ khách chưa phải là điều khiến tâm lí con người phát sinh những ám ảnh đến mức kinh sợ. Lữ khách rơi vào trạng thái này bởi tất cả những điều đó: Gió bụi trên đường phiêu bạt, cái lạnh cắt da xé thịt nơi xứ người, những đêm thâu tịch mịch, sự khắc nghiệt của tự nhiên... luôn kéo dài liên tiếp, hiện diện trong từng thời khắc thực tại thậm chí cả ở quá khứ của con người. Họ buộc phải chống chịu liên tiếp với bao mối sầu và sự bế tắc đến mức dù cố vùng vẫy thoát ra nhưng chẳng thể. Không thể phủ nhận với đời lữ khách, chuyện phiêu bạt khắp chân trời góc bể hay việc đối diện với sầu tủi, cô độc là những điều cố nhiên không tránh khỏi. Đáng buồn hơn khi những thời khắc hiếm hoi, ít ỏi con người được đoàn viên cùng gia đình cũng lại bị cảm giác biệt ly, sầu tủi thường trực trong tâm "rút ngắn" một cách tàn nhẫn:

*"Lam hà thủy thiển ngã tình thâm*

*Kinh hướng tân đầu xướng biệt âm"*

(Nước sông Lam nông cạn mà tình ta sâu

Kinh hoàng nhìn đầu bến hát lời biệt ly)

(**Lam giang thu độ**) (Nguyen, 1995, tr.181-182)

Một lần nữa, trạng thái kinh hoàng, lo sợ khi bị nhấn chìm trong dòng sầu ly biệt lại hiện hữu nơi bến lòng cô quạnh của lữ khách: "*Kinh hướng tân đầu xướng biệt âm*". Nó khiến thời khắc tương phùng của lữ khách với quê trở nên ngắn ngủi hơn hết thảy:

*"Tài bãi cúc bôi gia vạn lý"*

*Sạ khai quế trạo trủy thiên tầm*

*Để hồi trọng cử tha hương bộ"*

(Vừa buông chén cúc, đã xa nhà vạn dặm

Thoắt bủa chèo quế, đã vượt sông nghìn tầm

**(Tần ngần không muốn bước đi đất khách)** (Nguyen, 1995, tr.181-182)

Tạo hóa dường như muốn đẩy con người đến bước đường cùng của sầu muộn, ly biệt và buộc họ chấp nhận dù không muốn đi nữa. Con người với thân phận kẻ phiêu bạt đã cất lên tiếng lòng kêu cứu tuyệt vọng mong thoát khỏi thực tại bế tắc. Mặt khác, họ cũng trực tiếp bày tỏ thái độ lo sợ khi cứ mãi bước đi phiêu bạt trên đất khách trong cô quạnh.

*3.2.2. Lữ khách hồi tưởng quá khứ, lo nghĩ tương lai và gắng gượng hành động ở hiện tại*

Như một hệ quả tất yếu hình thành từ việc con người liên tiếp nếm trải quá mức bi kịch sầu muộn đồng thời là tín hiệu cho thấy sự tự ý thức vẫn đâu đó len lỏi trong tâm can kẻ phiêu bạt, hình tượng lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề vẫn gắng gượng hành động với chút hy vọng mong manh duy nhất thoát khỏi trạng thái bị nhấn chìm trong u hoài, cô quạnh. Từng giờ, từng khắc trôi qua với kẻ tha hương vốn đã nặng nề, chua xót thế nhưng đằng này lữ khách lại phải gồng gánh, hứng chịu những va đập liên tiếp của sầu tủi, cô quạnh trong cảm xúc. Thân người vốn đã mỏi mệt, đời người vốn đã lắm lao đao, khó nhọc giờ lại đeo mang cả khối sầu cứ kết đọng:

*"Thâm canh bất mị kết sầu ti"*

(Canh khuya chưa ngủ, lòng lo sầu kết lại)

(**Bệnh hậu hý tác**) (Le, 2019, tr.105-106)

Trạng thái sầu muộn, cô độc thậm chí bế tắc, tuyệt vọng xâm lấn, chi phối gần như mọi khoảnh khắc thực tại của con người. Nó khiến lữ khách bị tách lìa khỏi các mối quan hệ thân thuộc xung quanh, đẩy họ trở về đối diện trực tiếp với nỗi sầu cô độc trong bản thể chính mình. Thế nhưng bao giờ cũng vậy giữa màn đêm tăm tối của thực tại bế tắc vẫn le lói đâu đó những tia sáng hy vọng dù rằng mong manh. Con người vẫn không ngừng hành động và tìm kiếm các giải pháp để thoát khỏi nỗi sầu cô quạnh. Điều này được Nguyễn Đề thể hiện và nhấn mạnh nhiều lần trong các sáng tác thơ chữ Hán viết về hình tượng lữ khách. Họ dường như ý thức rất rõ tình thế tiến thoái lưỡng nan của bản thân khi nhận ra việc thoát khỏi, cắt hẳn khối sầu trong tâm là điều bất lực nhưng cũng không thể phó mặc tiếp tục hứng chịu những cơn địa chấn tâm hồn ấy ngày

qua ngày. Con người trong tình thế đó chỉ còn cách gắng gượng hành động thậm chí hành động thật nhiều để quên đi nỗi u hoài, cô quạnh trước mắt. Một trong những hành động phổ biến được lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề lựa chọn như một phương tiện hữu dụng nâng đỡ tinh thần con người đồng thời giúp bản thân tạm thoát khỏi thời khắc sầu muộn ở thực tại là việc tìm đến hơi men của rượu. Con người tìm đến rượu, bầu bạn cùng rượu thậm chí xem rượu như một tri âm cho thân phận lữ khách cô độc. Có khá nhiều nguyên cớ để lữ khách tìm đến và giải sầu cùng rượu nhưng qua khảo sát các bài thơ chữ Hán Nguyễn Đề, chúng tôi nhận thấy có hai nguyên cớ chính khiến con người tìm đến rượu. Trước hết như trên đã nói, lữ khách trong thơ ông phần lớn phải nếm trải những u sầu, chịu những chấn động liên tiếp trong cảm xúc suốt khoảng thời gian dài đằng đẵng đến khi bản thân gần như bị nhấn chìm vào bế tắc và trở nên yếu đuối, chán chường trước thực tại. Ngay thời khắc ấy, con người dường như muốn bỏ lại mọi thứ trước mắt, muốn tạm quên đi tất cả. Nói cách khác trong cơn sầu ly biệt, lữ khách đang dần tiến đến và tiệm cận với trạng thái buông bỏ thực tại và rượu là thứ duy nhất có thể níu bản thân giữa lúc này. Chất men nồng của rượu cùng trạng thái say mà nó mang lại khiến lữ khách có thể tạm quên phần nào thực tại trước mắt:

*"Giác nhai cô ảnh nan tiêu khiển*

*Bả trản doanh châm đới túy miên"*

(Góc bể chân trời, chiếc bóng khôn khuây

Nâng cốc rót đầy uống say mà ngủ)

(**Thái Bình phủ thành tịch trú**) (Nguyen, 1995, tr.215-216)

*"Lữ tình khách huống thiên nghi ngã"*

(Tình cảnh lẻ loi đất khách khiến ta ưa rượu)

(**Tạ tửu**) (Nguyen, 1995, tr.159-160)

Con người mượn rượu nói đúng hơn bầu bạn cùng rượu bởi trước mắt lữ khách giờ đây chẳng thể tìm được ai tương phùng ngoại trừ bóng mình giữa canh thâu. Cách thức dùng rượu của lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề cũng phần nào cho thấy tình trạng bí bách, bi đát của con người. Rót rượu không phải để thưởng thức dần cũng chẳng phải từ từ nếm trải mùi vị nồng nàn của rượu bởi thân người giờ đây thử hỏi còn ai cạnh bên để cùng sẻ chia: "*Giác nhai cô ảnh nan tiêu khiển*" (Góc bể chân trời, chiếc bóng khôn khuây). Lữ khách cố rót cho thật đầy, uống không phải để khơi hứng đối ẩm mà cốt chỉ giúp bản thân nhanh chóng thật say từ đó quên hết mọi thứ và chìm vào mộng ảo. Có gì đó chua chát, xót xa cho phận đời kẻ lữ hành khi bản thân nhận ra: "*Lữ tình khách huống thiên nghi ngã*" (Tình cảnh lẻ loi đất khách khiến ta ưa rượu). Quá trình lữ khách dùng rượu như một hành động bắt buộc, mang tính lễ nghi trên đường đi sứ đến xem rượu như thứ không thể thiếu, xem chuyện uống rượu như thói quen thường ngày "*huống thiên nghi ngã*" cũng cho thấy sự bí bách, sầu tủi triền miên mà con người trải qua:

*"Tiếu ngã cửu đồ xưng túy khách*

*Vị năng bả trản tiếp dư trình"*

(Cười ta lâu nay vẫn gọi khách làng say

Mà chưa được nâng chén nối tiếp cuộc say)

(**Tam Túy đình**) (Le, 2019, tr.122-123)

Và dù lắm lúc, lữ khách trong thơ ông cũng hình thành thái độ từ chối rượu quyết liệt: "*Đầu trản tàng hồ tạ tửu thần*" (***Tạ tửu***) (Le, 1995, tr.159) nhưng vẫn không thể bởi chỉ trong cơn say của rượu lòng người mới có thể tránh được tạm thời sự chi phối của sầu muộn, bỏ quên trạng thái cô độc ở bản thân. Một nguyên cớ khác khiến lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề ưa rượu và thường tìm đến cảm giác say xuất phát từ tình trạng yếu đuối, suy nhược, mỏi mệt cả về thể chất lẫn tinh thần con người trên hành trình phong trần. Vì vậy, con người rất cần chút hơi men của rượu để bản thân trở nên mạnh mẽ, bản lĩnh mà đối diện với nỗi sầu cứ vây hãm tâm trí. Bao giờ cũng vậy, rượu và hơi nồng của rượu cũng khiến con người được tiếp thêm sinh lực, tinh thần trở nên phấn chấn. Có lẽ vì vậy mà trong văn hóa giao tiếp thường ngày của người Việt, rượu và trầu là những thứ không thể thiếu trước khi con người mở lời với nhau: "*Ăn một miếng trầu, năm ba lời dặn / Uống một chén rượu, năm bảy lời giao*" (*Ca dao*). Với thơ chữ Hán Nguyễn Đề, rượu không chỉ đảm nhận chức năng nghi thức cho những cuộc tương phùng, ly biệt mà còn giúp lữ khách trực tiếp thổ lộ tâm tư, nỗi niềm sâu kín từ đó hướng đến hy vọng tiêu sầu, khiến bản thân tạm thoát khỏi những bí bách, chán chường:

*"Ly tứ thiển thâm bằng tửu độ"*

(Nỗi ly biệt nông sâu thổ lộ nhờ chén rượu)

(**Hoành Châu giang thứ hữu hoài**) (Nguyen, 1995, tr.223-224)

Miên man trong cơn say của rượu, lữ khách như trút đi phần nào tâm trạng u buồn trong nỗi sầu ly biệt. Đây là điều tưởng chừng chẳng thể thực hiện với lữ khách khi ở trạng thái tỉnh. Sức mạnh của

rượu giúp thân người trở nên mạnh mẽ trước những cơn địa chấn cảm xúc. Vì vậy, không ít lần người đọc nhận thấy lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề dù bản thân trong trạng thái mỏi mệt, tinh thần dù suy yếu vẫn không thôi gắng gượng tìm đến rượu:

*"Ngẫu phùng mai dịch gia tân yến*

*Vô hạn sầu tình phó tửu diên"*

(Chợt gặp buổi tiệc đãi khách tại dịch trạm

Lòng buồn vô hạn phó hết ở buổi tiệc rượu)

(**Lữ trung nguyên đán**) (Le, 2019, tr.96-97)

Lữ khách trong bài xuất hiện với trạng thái mỏi mệt, rã rời về thân xác lẫn tinh thần sau khi trải qua những cơn sầu ly biệt đặc biệt sầu tủi lại đến với người giữa lúc tiết trời vào xuân. Thời khắc chuyển giao bước sang năm mới trong tự nhiên cũng là lúc con người chua xót nhận ra thân phận phiêu bạt của bản thân vẫn tiếp tục kéo dài. Nỗi cô quạnh của khách tha hương lại thêm lần nữa được khắc sâu khiến con người càng lúc càng rơi vào tuyệt vọng chỉ còn biết gắng gượng tìm đến rượu để giải sầu:

*"Tiêu sầu miễn cưỡng mệnh đồ tô"*

(Gắng gượng mượn rượu để giải nỗi buồn)

(**Thanh Viễn văn bạc**) (Le, 2019, tr.245-246)

Không chỉ giúp lữ khách thêm bản lĩnh để đối diện trực tiếp với nỗi sầu, rượu trong thơ ông còn đảm nhận vai trò sưởi ấm cõi lòng giá buốt, cô quạnh của con người. Có thể nói, lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề dùng rượu vốn như một thói quen, một liệu pháp hữu hiệu làm ấm tâm hồn và ngăn sầu:

*"Giang thứ khư hàn duy hữu tửu"*

(Nghỉ ở bên sông, chống rét chỉ có rượu)

(**Ngô Giang dạ vũ**) (Le, 2019, tr.152-153)

Lữ khách ý thức rất rõ về vai trò của rượu vì vậy chỉ cần tâm trí rơi vào sầu bi, bế tắc con người lập tức nghĩ ngay đến rượu: :

*"Tà phong đả động cố hương tâm*

*Dục cô muộn tửu liên đồng quyện"*

(Gió quái gợi nhớ nỗi lòng cố hương

Muốn mua rượu giải phiền, sợ trẻ vất vả)

(**Nguyệt dạ thứ Than Giang**) (Le, 2019, tr.146-147)

Thế nhưng, hy vọng tiêu sầu mong manh của lữ khách, hành động gắng gượng chút hơi tàn sức kiệt tìm đến rượu cũng trở nên vô ích khi giờ đây chính thứ "đan dược" tinh thần ấy lại chẳng thể giúp người vơi bớt sầu muộn, xua đi cô quạnh ở thời khắc hiện tại. Nếu trước đó, Nguyễn Trãi cũng từng có hành động tương tự gắng gượng tìm rượu như một cách để giải sầu ly biệt giữa tiết trời Thanh minh khi lưu lạc quê người:

*"Liêu bả nhất bôi hoàn tự cưỡng*

*Mạc giao nhật nhật khổ tư gia"*

(Hãy cầm chén rượu mà gượng uống

Đừng để ngày ngày phải khổ vì nỗi nhớ nhà)

(**Thanh minh**, Ức Trai thi tập - Nguyễn Trãi) (Hoang, 2001, tr.113-114)

Hay thi sĩ Lý Thương Ẩn đời Đường (Trung Quốc), kẻ từng trải qua tháng ngày lênh đênh, phiêu bạt khắp nhân gian cũng bao lần tìm rượu để tiêu sầu thậm chí:

*"Tiêu sầu hựu kỷ thiên"*

(Tiêu sầu có lẽ phải nghìn chén!)

(**Phong vũ** - Lý Thương Ẩn) (Han, 2000, tr.459)

Cả Lý Thương Ẩn và Nguyễn Trãi đều trải qua những thời khắc "tiêu sầu" giải khuây cõi lòng cùng rượu dù đời sống trước mắt vẫn còn lắm chông chênh, trôi nổi. Nhưng còn Nguyễn Đề nhiều lúc lại không thể dù bản thân ông gắng gượng đến đâu đi nữa. Mọi nỗ lực giải sầu của họ trong từng thời khắc hiện tồn đều bất thành. Con người giờ đây chỉ còn biết thở than trong vô vọng khi nhận ra:

*"Hàn tại giang sơn tửu mạc khu"*

(Rượu chẳng thể đẩy lui cái lạnh đất trời)

(**Tàn đông lữ thứ**) (Le, 2019, tr.76-77)

Bế tắc, tuyệt vọng một lần nữa trở lại quấn chặt phận đời lữ khách. Phần vì nỗi sầu kết đọng trong tâm can lữ khách quá lớn và được dồn nén liên tục từng ngày nên đôi lúc không thể mượn rượu để giải tỏa hết; phần vì thân người theo tháng năm phiêu bạt đã trở nên kiệt quệ, lắm bệnh nên:

*"Khả liên túc dạng do triền bạn*

*Hàn khí xâm nhân tửu cánh dung"*

(Thương ta bệnh cũ vẫn còn đeo bám

Khí lạnh thấm người, rượu không muốn uống)

(**Tam Thủy văn diểu**) (Le, 2019, tr.243-244)

Không chỉ gắng gượng bản thân tìm đến rượu dù nhiều lần người đã cố say nhưng vẫn chẳng thể tiêu sầu, lữ khách đôi lúc còn nhìn lại quá khứ, ngẫm nghĩ về chuỗi ngày trải qua và cố tìm kiếm giữa những mảng đời ảm đạm, xám xịt, u buồn kia vệt sáng hy vọng mong manh để tiếp thêm nội lực cho con người trong hiện tại. Hành động ngẫm nghĩ về quá khứ của lữ khách trong trường hợp này như một tín hiệu lưỡng diện vừa cho thấy sự bế tắc, bi đát trong thực tại đã vượt ngưỡng chịu đựng vừa thắp lên hy vọng ở người đọc về việc tự ý thức của con người:

*"Bán thế lưu ly sầu nhập cốt"*

(Nửa đời lưu lạc buồn thấu tận xương)

(**Ngẫu ngâm I**) (Nguyen, 1995, tr.142)

*"Kinh tuế ly gia, lữ mộng trì"*

(Nhiều năm xa nhà, kéo dài mộng đất khách)

(**Chu trung khiển muộn**) (Nguyen, 1995, tr.260)

Thế nhưng càng nhìn về quá khứ, càng suy ngẫm về khoảng thời gian trải qua, lữ khách chỉ càng nhận về những buồn tủi, đau xót thậm chí kinh sợ bởi kiếp phiêu bồng chẳng biết đến bao giờ mới trả xong, tìm về quá khứ chỉ khiến thân tâm thêm sầu khổ.

Bế tắc ở thực tại, thất vọng khi tìm về quá khứ, lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề chỉ còn biết trông vào tương lai gần nhưng tiếc thay nó cũng chẳng thể khả quan khi gần như bị bao phủ bởi trạng thái vô định. Lẽ thường, khi con người rơi vào bế tắc đến mức không thể tự thoát khỏi ở thực tại thì chút hy vọng mong manh chỉ còn biết đặt để vào tương lai phía trước. Phóng chiếu cái nhìn và suy nghĩ về tương lai cũng là cách giúp bản thân có thêm hy vọng đồng thời tạo thêm động lực ở hiện tại. Viễn cảnh trong tương lai dẫu biết vẫn còn ở cách xa nhưng ít nhất cũng có thể phần nào xoa dịu những thương tổn tinh thần, nâng bước lữ khách tiếp tục tiến về phía trước. Con người ấy cũng không ngừng hy vọng thậm chí gắng gượng ngóng mắt trông xa vào tương lai để tìm kiếm hy vọng hoặc động lực vượt qua sầu bi, khổ lụy ở thực tại. Nhưng rồi viễn cảnh tương lai cũng tỏ rõ vẻ lạnh lùng, hờ hững khi khước từ các tín hiệu kết nối của con người. Mọi viễn cảnh ở tương lai đều trong trạng thái mờ mịt khiến lữ khách không thể đoán định hay có bất kì hy vọng lạc quan nào:

*"Dị nhật hồi thiều tầm cựu trú*

*Vị tri quang cảnh cánh hà như"*

(Ngày khác quay xe về tìm nơi trọ cũ

Chưa biết quang cảnh sẽ như thế nào?)

(**Lưu đề Mai Pha ngụ thứ**) (Nguyen, 1995, tr.64-65)

*"Phóng nhãn bất tri nan tự khiển*

*Nhật Nam, Thần Bắc lưỡng du du"*

(Phóng tầm mắt trông mà sầu khôn nguôi

Trời Nam cõi Bắc hai nẻo thật xa vời)

(**Tàn đông lữ thứ**) (Le, 2019, tr.76-77)

Có điều gì đó che khuất tương lai phía trước, ngăn cản cái nhìn rộng mở của lữ khách khiến con người càng nhìn lại càng thêm vô vọng, hụt hẫng. Mọi đoán định, trông đợi vào tương lai của lữ khách phần lớn đều bị triệt tiêu hoặc mất kết nối với hiện tại thay vào đó là sự mờ nhạt, bất định. Cái vòng luẩn quẩn của sầu bi, cô quạnh khiến lữ khách không thể đặt tầm nhìn bản thân ra xa hơn. Càng hy vọng, trông mong vào tương lai, lữ khách chỉ càng nhận về những thất vọng, sầu tủi.

## 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 4.1. Kết luận

Con người hiện hữu trên cõi đời ai lại không mong bản thân được thụ hưởng đời sống an nhàn, đoàn viên cùng gia đình, tương phùng với bằng hữu nhưng thực tại trước mắt lại không cho phép. Khi đã bước chân vào con đường gió bụi, mang thân lữ khách và sống nổi trôi vô định cũng đồng nghĩa con người phải đối diện với cô độc, bế tắc. Với thơ chữ Hán Nguyễn Đề, hình tượng lữ khách được khắc họa trong trạng thái cô quạnh và liên tiếp phải nếm trải dư vị sầu tủi. Mối sầu lữ khách đeo mang như một cơn địa chấn cảm xúc ngày đêm tác động vào tâm lí con người, dồn nén và kết đọng trong tâm can khiến thân người phải kinh sợ trước thực tại. Để thoát khỏi vòng vây sầu muộn cứ bám lấy thân người trong mọi thời khắc, lữ khách chỉ còn biết gắng gượng hành động tìm cách kết nối với mọi thứ xung quanh hoặc trở về cùng quá khứ hay phóng chiếu cái nhìn đến tương lai nhưng sau cùng vẫn không thể tiêu sầu. Qua đó, hình tượng lữ khách cũng thể hiện trọn vẹn tâm tình nhà thơ trong những tháng năm phiêu bạt. Việc tiếp cận và nghiên cứu vấn đề này có ý nghĩa quan trọng đối với việc tìm hiểu, lí giải những nỗi niềm sâu kín của con người trung đại khi đối diện với thực tại nổi trôi, vô định chẳng biết ngõ lời cùng ai chỉ có thể gửi gắm tiếng lòng vào trang thơ đồng thời giúp bạn đọc yêu thơ nhận ra các giá trị nhân văn, nhân bản từ thẳm sâu trong nỗi niềm cô quạnh, bế tắc. Mặt khác, việc nghiên cứu vấn đề này cũng góp phần làm rõ, khẳng định những đóng góp nghệ

thuật độc đáo của thơ chữ Hán Nguyễn Đề trên thi đàn văn học thời Tây Sơn nói riêng và văn học trung đại Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVIII nói chung.

### 4.2. Kiến nghị

Lữ khách là hình tượng nghệ thuật trung tâm xuất hiện phổ biến trong nhiều sáng tác thơ chữ Hán của các tác giả khác như: Ngô Thì Nhậm, Trịnh Hoài Đức, Nguyễn Du, Nguyễn Hành, Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát... song đến nay vẫn còn hạn chế chưa khai thác hết ý nghĩa nhất là với vấn đề ứng xử của lữ khách khi đối diện trước thực tại cô quạnh, bế tắc. Vì vậy, hướng tiếp cận, nghiên cứu hình tượng lữ khách mở rộng phạm vi ra các sáng tác thơ chữ Hán ở những tác giả nêu trên được đề xuất nhằm giúp người đọc có hình dung đầy đủ, toàn diện hơn về đối tượng nghệ thuật này cũng như thấy được những đóng góp thơ ca của các tác giả trong bối cảnh đầy biến động dâu bể, loạn lạc của thời cuộc. Ngoài ra, việc sưu tầm, khảo cứu cũng như các vấn đề về phiên dịch thơ chữ Hán Nguyễn Đề đến hiện tại vẫn chưa đầy đủ, hoàn thiện toàn diện. Giữa những bản dịch trong các công trình tuyển tập nhiều chỗ vẫn chưa thật sự thống nhất dẫn đến việc tiếp cận, kiến giải ngữ nghĩa và cảm nhận nỗi niềm, tâm trạng tác giả đôi lúc còn hạn chế. Nhiều bài thơ chữ Hán của Nguyễn Đề đến nay vẫn chưa được tiếp cận, phiên dịch (số lượng bài thơ chữ Hán Nguyễn Đề đã được dịch và xuất bản là: **274/374** bài). Vậy nên, việc nghiên cứu các vấn đề dịch văn bản cũng như khảo cứu, đối sánh giữa các dị bản hiện có là hướng đi thật sự cần thiết giúp người đọc hiểu một cách toàn diện tâm tình và những đóng góp thơ ca của Nguyễn Đề trên dòng chảy văn học dân tộc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)


Han, Si. D. T. (2000). *Duong of three hundred poems (Trans by Tran, Uyen., Ngo, Phu. V.)*. Literature Publishing House. Ho Chi Minh City.

Hoang, K. (2001). *Nguyen Trai's complete poems*. Culture - Information Publishing House. Ho Chi Minh City.

Le, T. Q (Eds). (2019). *Selected poems of Nguyen De*. Literature Publishing House. Ho Chi Minh City.

Mai, L. Q (Eds). (2016). *Genealogy of Nguyen Tien Dien family (Trans by Nguyen, Dao. T. B.)*. Literature Publishing House. Ho Chi Minh City.

Nguyen, P. T (Eds). (1995). *Collection of Chinese poems by Nguyen De*. Social Science Publishing House. Hanoi.